

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **238/2024/DS-ST**

Ngày: 18-9-2024

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung; Bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 772/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 354/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T.

Địa chỉ trụ sở: Số X, Ấp Y, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Xuân T1 – Chức danh: Giám đốc. Địa chỉ: Số X, Ấp Y, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số X đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Ngô Đức Q, sinh năm 1984 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số X, đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T (nguyên đơn) có thỏa thuận với vợ chồng ông Ngô Đức Q và bà Vũ Thị L (bị đơn) về việc nguyên đơn sẽ bán mặt hàng là bếp gas

cho bị đơn. Từ ngày 25/01/2022 đến ngày 24/06/2022, bị đơn đã mua một số bếp gas nhãn hiệu V của nguyên đơn với tổng số tiền là: 212.364.000 đồng (*Hai trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền mua bếp gas nêu trên đều đã được bị đơn là bà Vũ Thị L xác nhận sau khi đối chiếu công nợ với nguyên đơn vào ngày 23/7/2022. Các bên thoả thuận, bị đơn sẽ trả dần đến hết âm lịch (tức trước ngày 01/01/2023 âm lịch) sẽ trả hết công nợ còn lại cho nguyên đơn.

Sau nhiều lần nguyên đơn đôn đốc và yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua bếp gas còn nợ thì bị đơn cứ khất nợ với lý do bị đơn phải trả nợ cho nhiều đối tác khác nên không còn tiền trả nợ cho nguyên đơn. Nhận thấy, việc bị đơn mua bếp gas của nguyên đơn sau đó bán lấy tiền nhưng lại không chịu thanh toán tiền công nợ cho nguyên đơn là không đúng và không phù hợp theo quy định pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 227.654.000 đồng; trong đó, số tiền mua hàng chậm trả là 212.364.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 23/07/2022 đến ngày 23/02/2023, với mức lãi suất 1%/tháng là 15.290.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là ông Ngô Đức Q. Đồng thời sau khi đối chiếu lại công nợ thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà L phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền mua bán bếp gas còn nợ là 251.226.612 đồng (*Hai trăm năm mươi một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười hai đồng*); trong đó số tiền mua hàng chậm trả là 212.364.000 đồng, số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 20/3/2023 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 18/9/2024, với mức lãi suất 1%/tháng là 38.862.612 đồng.

Về chi phí tố tụng cho việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và chi phí giám định chữ ký, chữ viết đối với bị đơn, nguyên đơn đề nghị bị đơn phải chịu.

Bị đơn ông Ngô Đức Q và bà Vũ Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 433, 434, 440, 468 của Bộ luật Dân

sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T.

Buộc bị đơn bà L phải trả cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T tổng số tiền là 251.226.612 đồng; trong đó số tiền mua hàng chậm trả là 212.364.000 đồng, số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 38.862.612 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T đối với bị đơn là ông Ngô Đức Q.

- Về chi phí tố tụng cho việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng chưa thanh toán và tiền lãi nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”; Bị đơn ông Ngô Đức Q và bà Vũ Thị L, đều cư trú tại số X đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về trình tự thủ tục: Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là ông Ngô Đức Q. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 23 tháng 7 năm 2022 bị đơn bà Vũ Thị L có xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 212.364.000 đồng, là tiền mua bếp gas, đồng thời cam kết trả dần đến tết âm lịch sẽ kết thúc công nợ. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện như cam kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Vũ Thị L phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền mua bán bếp gas còn nợ là 251.226.612

đồng; trong đó số tiền mua hàng chậm trả là 212.364.000 đồng, số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/3/2023 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 18/9/2024, với mức lãi suất 1%/tháng là 38.862.612 đồng. HĐXX xét thấy: Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy xác nhận công nợ chị Loan năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T có xác nhận của khách hàng là Vũ Thị L, số tiền 212.364.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 05/2024/QĐ-TA ngày 09/4/2024 đối với bị đơn, tuy nhiên vẫn không có tin tức của bị đơn. Đồng thời nguyên đơn có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn bà Vũ Thị L tại Giấy xác nhận công nợ chị Loan năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T. Tại Kết luận giám định số 1012/KL-KTHS ngày 30/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị L dưới mục “Xác nhận của khách hàng” và chữ ký tại mặt sau, sau dòng chữ “Hàng tuần sẽ chuyển cho em dần” trên tài liệu cần giám định là Giấy xác nhận công nợ chị L năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T so với chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị L trên tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị đơn bà Vũ Thị L có xác nhận đến ngày 23/7/2022 còn nợ nguyên đơn số tiền mua bán chưa thanh toán là 212.364.000 đồng.

Đồng thời tại giấy xác nhận công nợ bị đơn bà Vũ Thị L có xác nhận sẽ trả dần đến tết âm lịch (trước ngày 01/01/2023 âm lịch) sẽ kết thúc công nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn bà L không thực hiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 20/3/2023 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 18/9/2024, số tiền là 38.862.612 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Vũ Thị L phải trả tổng số tiền là 251.226.612 đồng; trong đó số tiền mua hàng chậm trả là 212.364.000 đồng, số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/3/2023 đến ngày 18/9/2024, với mức lãi suất 1%/tháng là 38.862.612 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Vũ Thị L phải chịu tiền chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số tiền 2.425.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên được nhận lại số tiền này sau khi thu được của bị đơn bà Vũ Thị L.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Căn cứ Điều 161, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do kết quả giám định chữ ký, chữ viết chứng minh yêu cầu của

nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn bà Vũ Thị L phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 4.860.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên được nhận lại số tiền này sau khi thu được của bị đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Vũ Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể số tiền:

$5\% \times 251.226.612 \text{ đồng} = 12.561.330 \text{ đồng}$ (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 161, 162, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 430, 433, 434, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T.

Buộc bà Vũ Thị L phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T tổng số tiền là 251.226.612 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười hai đồng); trong đó số tiền mua hàng chậm trả là 212.364.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/3/2023 đến ngày 18/9/2024, với mức lãi suất 1%/tháng là 38.862.612 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T đối với bị đơn là ông Ngô Đức Q.

3. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Bà Vũ Thị L phải chịu 2.425.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền chi phí thông báo. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T được nhận lại số tiền 2.425.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí thông báo sau khi thu được của bà Vũ Thị L.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Vũ Thị L phải chịu 4.860.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền chi phí giám định. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T được nhận lại số tiền 4.860.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của bà Vũ Thị L.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu số tiền 12.561.330 đồng (*Mười hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Bếp T số tiền tạm ứng án phí 5.691.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001440 ngày 09/3/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My